

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 13 + 14

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

10-12-2024- Quyết định số 5669/QĐ-UBND công bố danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Đợt 1).

2

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5669/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
(Đợt 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 110/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế phối hợp quản lý, khai thác và cập nhật dữ liệu của Hệ thống quản trị thực thi Thành phố Hồ Chí Minh trên nền tảng số.

Căn cứ Quyết định số 5086/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 15387/TTr-VP ngày 07 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục báo cáo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/>

Chế độ báo cáo định kỳ tại Quyết định này được bảo đảm thực hiện trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số (trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật) tại địa chỉ <https://dieuhanhktxh.tphcm.gov.vn/>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

PHỤ LỤC
DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đợt 1)

*(Kèm theo Quyết định số 5669/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần I

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

1. Báo cáo định kỳ mới ban hành:

TT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		
Lĩnh vực chỉ đạo điều hành kinh tế, xã hội		
1.	Báo cáo tình hình Kinh tế, Xã hội tháng/ ...tháng đầu năm, năm.... và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Biểu mẫu báo cáo thống kê và phân công thực hiện thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
2.	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành	Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ
3.	Báo cáo Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm của Thành phố	Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn TPHCM năm 2024
4.	Báo cáo Triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển	Công văn số 5754/VPCP-QHĐP ngày 28 tháng 7 năm 2023 về báo cáo định kỳ hàng tháng thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2023

	Thành phố Hồ Chí Minh	của Thủ tướng Chính phủ về phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội
5.	Báo cáo cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn.....	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025
6.	Báo cáo Hoạt động đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền 06 tháng đầu năm/Năm... trên địa bàn Thành phố	Quyết định số 53/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp trong việc tham gia Hệ thống “Đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền Thành phố”

2. Báo cáo định kỳ thay thế:

STT	Tên Báo cáo định kỳ được thay thế	Báo cáo định kỳ thay thế	Văn bản quy định nội dung thay thế chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)
BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			
Lĩnh vực			
1			

3. Báo cáo định kỳ bãi bỏ:

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định việc bãi bỏ chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		
Lĩnh vực		
1		

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG/THÁNG ĐẦU NĂM,
NĂM.... VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Kính gửi:.....

A. THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND
THÀNH PHỐ, CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH (các đơn vị có liên quan)

1. Tình hình triển khai công tác chỉ đạo của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ do UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao

- Tổng số văn bản đã ban hành chỉ đạo:văn bản
- + Thực hiện đúng hạn:..... Văn bản
- + Thực hiện trễ hạn:..... văn bản
- Tổng số văn bản chuyển đơn vị thực hiện, cập nhật:.....văn bản

(Phụ lục 1.1)

II. THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NĂM (Các đơn vị có liên quan)

1. Tiến độ thực hiện

.....

(Phụ lục 1.2)

2. Nhận định, đánh giá

.....

B. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

I. VỀ KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm nội địa GRDP

- Tốc độ tăng trưởng GRDP 3 khu vực kinh tế: dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp (**Cục Thống kê Thành phố**)

2. Lĩnh vực dịch vụ

a) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (**Cục Thống kê Thành phố, Sở Công thương**).

b) Kim ngạch xuất - nhập khẩu (**Cục Hải quan, Sở Công thương**).

+ Xuất khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cửa khẩu cả nước

+ Nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp Thành phố qua cửa khẩu cả nước.

- Công tác triển khai các biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh. (**Sở Công thương**).

c) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

- Tình hình kiểm soát giá cả, thực hiện chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố (**Sở Tài chính, Sở Công thương**).

- Chỉ số giá tiêu dùng, giá USD và giá vàng (**Cục Thống kê Thành phố, Sở Công thương**).

- Hoạt động Du lịch (**Sở Du lịch**).

+ Doanh thu ngành du lịch

+ Lượng khách du lịch nội địa đến Thành phố

+ Lượng khách quốc tế đến Thành phố

- Dịch vụ vận tải (**Cục Thống kê Thành phố và Sở Giao thông Vận tải**).

+ Tình hình vận tải hàng hóa, hành khách, doanh thu vận tải hàng hóa.

+ Lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng trên địa bàn.

- Thông tin và Truyền thông (**Sở Thông tin Truyền thông**).

+ Tình hình triển khai Kế hoạch triển khai Chuyển đổi số và Đô thị thông minh, Kế hoạch triển khai Đề án 06, Kế hoạch triển khai Chương trình Ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Hoạt động ngân hàng (**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM**).

+ Tình hình huy động vốn của các ngân hàng thương mại.

+ Tình hình dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

+ Tình hình dư nợ các chương trình tín dụng:

++ Dư nợ cho vay ngắn hạn bằng VNĐ đối với 5 nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên

++ Chương trình cho vay đối với các doanh nghiệp trong Khu chế xuất - Khu công nghiệp

++ Chương trình cho vay theo chương trình bình ổn thị trường

++ Chương trình cho vay nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 116/2018/NĐ-CP và Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ

+ Tình hình thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp không có

-Thị trường chứng khoán: (**Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM**)

+ Số lượng mã cổ phiếu, mã chứng chỉ quỹ và mã CW được chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

+ Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên giao dịch

3. Lĩnh vực công nghiệp (Sở Công thương, Cục Thống kê)

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp.

- Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm.

4. Lĩnh vực nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản. Tình hình trồng trọt và chăn nuôi.

- Tình hình nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

5. Công tác xúc tiến thương mại và đầu tư

- Hoạt động Xúc tiến thương mại, đầu tư

+ Tình hình tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư (**Sở Kế hoạch và Đầu tư và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư**).

+ Tình hình triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại (bao gồm cả hoạt động xúc tiến thương mại của Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị khác trên địa bàn), các hội chợ thương mại trong và ngoài nước (**Sở Công thương và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư**).

6. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công, thành lập doanh nghiệp và đầu tư trực tiếp của nước ngoài (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư công:

+ Tình hình giao và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công; tình hình giải ngân so với tổng kế hoạch vốn được giao.

Thành phố đã giao và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 20.... làtỷ đồng, bao gồm vốn ngân sách trung ương là tỷ đồng và vốn ngân sách địa phương là tỷ đồng.

Theo số liệu báo cáo của Kho bạc Nhà nước Thành phố cung cấp, tính đến ngày tháng 12, tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 20.... của Thành phố đã giải ngân làtỷ đồng, đạt tỷ lệ%tổng số vốn giao. Ước đến/...../2024, giải ngân đạt% so với tổng số vốn được giao.

- Thành lập doanh nghiệp

+ Tình hình cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể; doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động; doanh nghiệp hoạt động trở lại; so sánh với cùng kỳ.

- Đầu tư nước ngoài

+ Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): gồm vốn thu hút được dưới hình thức cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và vốn thu hút được qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước, so sánh với cùng kỳ.

7. Thu - chi ngân sách (Sở Tài chính)

- Tổng thu ngân sách nhà nước:

- Tổng chi ngân sách địa phương:

- Thuế doanh nghiệp:

8. Về lĩnh vực đô thị

- Về quy hoạch xây dựng (Sở Quy hoạch - Kiến trúc)

- Tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở (Sở Xây dựng)

Kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động xây dựng: (Sở Xây dựng)

- Cấp giấy phép xây dựng: (Sở Xây dựng)

- Công tác bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)

9. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Lĩnh vực y tế - Công tác phòng chống dịch COVID-19 và bệnh truyền nhiễm
(Sở Y tế)

+ Tình hình dịch bệnh trên địa bàn, phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; triển khai hiệu quả, kịp thời hoạt động đầu thầu thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế.

+ Về tình hình dịch bệnh COVID-19

+ Về tình hình dịch bệnh truyền nhiễm lưu hành và mới nổi

+ Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm **(Sở An toàn thực phẩm)**

- Lĩnh vực văn hóa **(Sở Văn hóa và Thể thao)**

+ Hoạt động Lễ hội và sự kiện

+ Công tác quản lý di sản văn hóa

- Hoạt động thể dục thể thao **(Sở Văn hóa và Thể thao)**

+ Công tác quản lý, phát triển hoạt động thể dục thể thao

+ Thể thao thành tích cao

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo **(Sở Giáo dục và Đào tạo)**

+ Tình hình hoạt động ở các cấp học, ngành học, các hoạt động liên quan đến chuyên môn, quản lý tài chính, cơ sở vật chất.

+ Các chính sách và chủ trương quan trọng của ngành Giáo dục và Đào tạo. - Phát triển khoa học công nghệ **(Sở Khoa học và Công nghệ)**

+ Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội

+ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng suất chất lượng và đổi mới sáng tạo

+ Phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ Thành phố

+ Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Giải quyết việc làm **(Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)**

+ Tình hình giải quyết việc làm

+ Công tác tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp

- Công tác giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội (**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**)

+ Công tác thực hiện bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững

- Tình hình về nguồn vốn tín dụng ưu đãi, trợ cấp xã hội.

+ Tình hình hoạt động chăm sóc các đối tượng chính sách, có công, trẻ em không được quan tâm, chăm sóc và có hoàn cảnh đặc biệt;

+ Tình hình cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo.

10. Công tác cải cách hành chính (Sở Nội vụ)

- Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và địa phương (DDCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)

11. Công tác đối ngoại (Sở Ngoại vụ, Ủy ban người Việt ở nước ngoài)

- Tình hình hoạt động đối ngoại, tình hình đón tiếp đoàn khách quốc tế, đoàn ngoại giao các nước và phóng viên nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài).

12. Công tác quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Công tác quốc phòng (Bộ Tư lệnh Thành phố)

Tình hình lực lượng, phương tiện trực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện, phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn các lễ, hội và các đoàn khách đến tham và làm việc tại Thành phố

- Tình hình an ninh chính trị, phạm pháp hình sự, vi phạm kinh tế, ma túy, tệ nạn mại dâm; tình hình trật tự an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn (**Công an Thành phố**)

+ Về đấu tranh phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội:

+ Vi phạm kinh tế:

+ Hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:

+ Về tình hình cháy nổ:

+ Tình hình trật tự an toàn giao thông:

13. Tình hình giải quyết vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố)

- Về công tác hỗ trợ doanh nghiệp:

- Về tình hình giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp:

+ Về tình hình giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Thành phố (Sở Tài chính):

+ Về tình hình giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp bất động sản (Sở Xây dựng)

+ Về tình hình hoạt động của Tổ Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Thành phố (**Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại Và Đầu Tư Thành phố**)

- Về tình hình giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tư nhân (**Hiệp Hội doanh nghiệp Thành phố**)

14. Hoạt động đối ngoại

- Tình hình hoạt động đối ngoại, tình hình đón tiếp đoàn khách quốc tế, đoàn ngoại giao các nước và phóng viên nước ngoài (**bao gồm cả hoạt động của Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài**) (Sở Ngoại vụ).

- Chương trình hợp tác với các tỉnh, Thành phố trong nước (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

15. Hoạt động Thanh tra, Tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo; Hỗ trợ tư pháp

- Tình hình tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; kết quả xử lý (**Ban tiếp công dân Thành phố và Thanh tra Thành phố**).

- Tình hình thực hiện công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng (**Thanh tra Thành phố**).

- Tình hình thực hiện công tác hành chính tư pháp và hoạt động hỗ trợ tư pháp (Sở Tư pháp).

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được

Đề nghị các Sở ban ngành, Tổng Công ty, Công ty lưu ý phân tích động thái của tình hình tháng/quý... /năm 20...., các hoạt động tích cực so với cùng kỳ năm trước

(giai đoạn trước).

2. Một số tồn tại, hạn chế, vấn đề cần lưu ý:

Phân tích những khó khăn, hạn chế, trong đó những khó khăn mới phát sinh trong tháng/quý... năm 2... so với cùng kỳ năm trước.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

3.2. Nguyên nhân chủ quan

V. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

Các Sở ban ngành, quận huyện, các Ban Quản lý, Tổng Công ty, Công ty đề xuất những nhiệm vụ và những giải pháp dự kiến triển khai năm 2.....; đồng thời nêu những kiến nghị đối với Thành phố và Trung ương để hoàn thành các nhiệm vụ được giao (theo nội dung của Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... tháng 01 năm 20..... của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2.....

Ghi chú:

Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 3 tháng đầu năm 20... và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng../quý... /năm 20.... theo như trình tự nội dung của Đề cương này./.

Phụ lục 01
BÁO CÁO

Tình hình Kinh tế - Xã hội tháng/tháng đầu năm, năm....
và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo cơ sở:

- Các sở, ngành trực thuộc UBND thành phố.
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố
- UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.
- Các Tổng công ty nhà nước thuộc UBND Thành phố.
- Các Ban quản lý thuộc UBND Thành phố.

b) Cơ quan thực hiện báo cáo tổng hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Cơ quan chủ trì báo cáo cho UBND Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đối với các chỉ tiêu yêu cầu tích hợp, báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh cập nhật dữ liệu và tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Thành phố.

b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung: UBND Thành phố.

c) Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức đăng ký tài khoản để khai thác, sử dụng số liệu trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội dưới hình thức báo cáo trực tuyến qua Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số, cụ thể như sau:

Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng

số.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo các tháng: Ngày 30 hàng tháng (riêng chỉ tiêu tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn gửi báo cáo vào ngày 02 tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo).

(Theo quy định tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi Phụ lục Nghị định 94/2016/NĐ-CP và sửa đổi Phụ lục II Nghị định 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP, trong đó có sửa đổi thời gian công bố số liệu GDP hàng năm.)

Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo vào ngày làm việc trước liền kề.

Các thông tin, số liệu báo cáo gửi sau thời hạn quy định sẽ không được tổng hợp vào Báo cáo tổng hợp chung.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố về thời hạn gửi báo cáo trước các mốc thời gian nêu trên thì thực hiện thời hạn báo cáo theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố.

5. Thời gian chốt số liệu:

Các đơn vị chốt số liệu báo cáo trước ngày 25 của tháng

*Lưu ý về nhập số liệu:

- Số liệu thống kê chính thức là số liệu thống kê phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả của hiện tượng kinh tế - xã hội đã diễn ra trong khoảng thời gian và không gian cụ thể đã được xử lý, tổng hợp, thẩm định và khẳng định. (theo thời hạn quy định báo cáo)

- Số liệu thống kê sơ bộ là số liệu thống kê phản ánh đầy đủ kết quả của hiện tượng kinh tế - xã hội đã diễn ra trong khoảng thời gian và không gian cụ thể nhưng chưa được khẳng định, còn phải được thẩm định, rà soát thêm.

- Số liệu thống kê ước tính là số liệu thống kê dự tính trước toàn bộ kết quả của hiện tượng kinh tế - xã hội còn đang tiếp diễn, được tổng hợp từ số liệu của kỳ đã diễn ra, cập nhật theo thực tế và số liệu của kỳ sẽ diễn ra, sử dụng phương pháp chuyên môn để dự tính.

6. Tần suất thực hiện báo cáo:

Hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm của năm báo cáo

7. Mẫu đề cương báo cáo:

Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

8. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu 01.1, 01.2

PHỤ LỤC 1

Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố Tháng/Quý/Năm /20...¹

THỜI GIAN	ĐÃ HOÀN THÀNH	CHƯA HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
Quý /20....			
Quý /20....			
Quý /20...			
Quý /20....			
Tổng số nhiệm vụ CTCT/20....			

* Ghi chú: cập nhật ngày .../.../20.....

¹ Không bao gồm nội dung của Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thành phố.

I. NỘI DUNG CHUYỂN TIẾP TỪ THÁNG/QUÝ/NĂM/20...

TT	NỘI DUNG/ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	PHÒNG TRỰC THUỘC VPUB	LÃNH ĐẠO VP UBND TPHCM	THƯỜNG TRỰC UBND TPHCM PHỤ TRÁCH	GHI CHÚ TIẾN ĐỘ
I	Sở					
1.						
II	Sở					
2.						
3.						
4.						
III	Sở.....					
5.						

**BÁO CÁP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Nhóm	STT	Chỉ số	Phân tổ (nếu có)	Đơn vị	Kế hoạch 2024 (nếu có)	Cơ quan báo cáo	Kỳ báo cáo				Ghi chú
							Tháng	Quý	6 tháng	Năm	
Kinh tế	1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	Theo khu vực (Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng; Dịch vụ)	%	7,5 - 8%	Cục thống kê Thành phố		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	2	Chỉ số giá tiêu dùng	Phân theo nhóm hàng	%		Cục thống kê Thành phố	x				
	3	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Theo ngành (ngành khai khoáng; Công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước và xử lý rác thải)	%		Cục thống kê Thành phố	x				

4	Đăng ký doanh nghiệp	Theo tình hình hoạt động (Số doanh nghiệp thành lập mới; Số doanh nghiệp giải thể; Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; Số doanh nghiệp hoạt động trở lại)	doanh nghiệp		Sở Kế hoạch và Đầu tư	x				
5	Tổng thu du lịch		tỷ đồng	190	Sở Du lịch	x				Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
6	Khách quốc tế		triệu lượt	6	Sở Du lịch	x				Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
7	Hạ tầng công nghệ thông tin được rà soát, nâng cấp, đảm bảo liên thông kết nối từ TP đến cấp huyện và phường xã thị trấn		%	100	Sở Thông tin và Truyền thông				x	Nghị quyết của HĐND
8	Kim ngạch xuất khẩu		tỷ đồng		Cục Hải Quan Thành phố	x				

		hàng hóa								
9	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa		tỷ đồng		Cục Hải Quan Thành phố	x				
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Theo ngành hoạt động gồm: Bán lẻ hàng hóa; dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch lữ hành; dịch vụ khác	tỷ đồng		Cục Thống kê Thành phố	x				
11	Tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công	Theo cơ quan và địa bàn (quận, huyện, thành phố, sở, ngành)	%	>=95%	Kho bạc Nhà nước	x				Số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH). Căn nhắc bổ sung tiến độ (giải phóng mặt bằng, xây dựng, giải ngân) của 10 công trình trọng điểm (nếu có thể)
12	Thu ngân sách nhà nước	- Theo các khoản thu chủ yếu (thu nội địa; thu từ dầu thô; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; thu viện trợ) - Theo loại hình kinh tế (Khu vực doanh nghiệp nhà nước;	tỷ đồng	482.851	Sở Tài chính	x				Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)

		khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh) - Theo địa bàn (quận, huyện, thành phố)								
	13	Chi ngân sách nhà nước	- Theo các khoản chi chủ yếu (Chi đầu tư phát triển; Chi dự trữ quốc gia; Chi thường xuyên; Chi trả nợ lãi; Chi viện trợ; Các khoản chi khác)	tỷ đồng	149.977	Sở Tài chính	x			
	14	Thuế doanh nghiệp	Bao gồm các khoản thuế chính (Thuế giá trị gia tăng; Thuế xuất nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp (tạm nộp); Thuế thu nhập cá nhân; Số lượng doanh nghiệp đang nộp thuế)	tỷ đồng		Cục thuế Thành phố	x	x		Thuế thu nhập doanh nghiệp cập nhật theo quý
	15	Thu hút đầu tư nước ngoài	Phân tổ theo loại hình (Cấp phép mới; Điều chỉnh tăng vốn; Góp vốn, mua cổ phần)	tỷ USD		Sở Kế hoạch và Đầu tư	x			
Đô thị	16	Số điểm ùn tắc giao thông		Điểm		Sở Giao thông vận tải	x			Hoặc sử dụng bản đồ

										giao thông giờ cao điểm trên địa bàn TP.HCM
17	Số điểm ngập lụt		Số lượng		Sở Xây dựng		x			Hoặc sử dụng bản đồ ngập lụt trên địa bàn TP.HCM
18	Tỷ lệ đất dành cho giao thông so với đất xây dựng đô thị		%	14,44	Sở Giao thông Vận tải			x		Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND- TH)
19	Mật độ đường giao thông trên diện tích đất toàn đô thị		km/km2	2,44	Sở Giao thông Vận tải			x		Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND- TH)
20	Tổng diện tích nhà ở xây dựng mới		triệu m2	8	Sở Xây dựng				x	Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND- TH)
	Trong đó, số căn nhà ở xã hội xây dựng mới		căn	35.000	Sở Xây dựng				x	Mục tiêu đến cuối năm 2025

	21	Diện tích nhà ở bình quân đầu người		m2/người	22,06	Sở Xây dựng		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
Xã hội	22	Số người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc		số lượng		Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh		x			
	23	Mức lương trung bình của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc		Đồng		Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh		x			
	24	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận		%	87	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	25	Tạo việc làm mới		chỗ	140.000	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	26	Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp		hồ sơ		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		x			

27	Phòng học/vạn dân trong độ tuổi đi học (3-18 tuổi)		phòng học/vạn dân	297	Sở Giáo dục và Đào tạo		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
28	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường được đi học		%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo		x			Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
29	Số lượng giáo viên còn thiếu	Theo cấp học (mầm non; tiểu học; trung học cơ sở; trung học phổ thông)	Giáo viên		Sở Giáo dục và Đào tạo		x			
30	Chất lượng môi trường không khí	Theo địa điểm (sử dụng bảng tổng hợp của Sở TN&MT)	Bảng		Sở Tài nguyên và Môi trường	x				Sử dụng bảng tổng hợp của Sở TN&MT
31	Chất lượng môi trường nước mặt	Theo địa điểm (sử dụng bảng tổng hợp của Sở TN&MT)	Bảng		Sở Tài nguyên và Môi trường	x				Sử dụng bảng tổng hợp của Sở TN&MT

	32	Mỗi người dân TP được hỗ trợ hướng dẫn tập luyện miễn phí chương trình cơ bản ít nhất một môn thể dục thể thao, một loại hình nghệ thuật. Người dân được miễn phí vào tham quan các bảo tàng công lập TP, xem các chương trình nghệ thuật do các đơn vị sự nghiệp công lập TP tổ chức		%	100%	Sở Văn hóa - Thể thao				x	Nghị quyết của HĐND
Cải cách hành chính	33	Thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức 4) trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố		%	100	Nghị quyết của HĐND				x	Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	34	Tỷ lệ người dân hài lòng		%	>=95%	Sở Nội vụ				x	Nghị quyết của HĐND +

		với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước									số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)	
	35	Số lượng phản ánh trên cổng 1022/Số lượng phản ánh được giải quyết		số lượng		Sở Thông tin và Truyền thông				x		
	36	Tỷ lệ phản ánh trên cổng 1022 được giải quyết đúng hạn		%		Sở Thông tin và Truyền thông				x		
Quốc phòng, an ninh	37	Chỉ tiêu giao quân năm		thanh niên	3.950	Bộ Tư lệnh Thành phố					x	Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	38	Số người chết do tai nạn giao thông		người	<2023	Công an Thành phố					x	Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)
	39	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trong năm		vụ		Công an Thành phố					x	

	40	Tỷ lệ điều tra, khám phá trong năm.....		%		Công an Thành phố	x				
	41	Số vụ tai nạn cháy nổ		vụ	<2023	Công an Thành phố	x				Nghị quyết của HĐND + số liệu sẵn có trên hệ thống (công văn 1310/UBND-TH)

Phụ lục 02
BÁO CÁO
KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:

Các sở - ban - ngành trực thuộc thành phố,
UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

- a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
- b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung của Thành phố: UBND Thành phố

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo trực tuyến trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số, cụ thể như sau:

Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Các đơn vị gửi báo cáo về Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 15 tháng 5 (đối với Báo cáo 6 tháng) và ngày 15 tháng 11 (đối với Báo cáo năm);

5. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng và hàng năm

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 10 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 6 của kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 10 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 10 của kỳ báo cáo

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 06 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

8. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Không có

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

(*Phục vụ tham mưu Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố*)

Kính gửi:.....

I. Tình hình, kết quả thực hiện

1. Công tác chỉ đạo của sở, ban, ngành, địa phương.
2. Kết quả đạt được.
3. Đánh giá
 - 3.1 Ưu điểm
 - 3.2 Tồn tại, hạn chế

II. Nhận định, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

- Chỉ đạo, điều hành trọng tâm, nổi bật.
- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế.

III. Phương hướng, nhiệm vụ công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị

VI. Kiến Nghị, Đề Xuất

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đề xuất, kiến nghị phương hướng, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thời gian tới./

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Số: /BC-.....

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính,
kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm của Thành phố
(Kỳ báo cáo từ ngày....tháng....năm... đến ngày....tháng....năm...)**

Kính gửi:

Thực hiện đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố về báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm của Thành phố, báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả thực hiện

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC trọng tâm

1.1. Về cải cách các quy định TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

a) Về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước:

Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025

b) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Số lượng TTHC nội bộ đã công bố:... (nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm

văn bản).

- Số lượng TTHC nội bộ đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa:... (nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm văn bản).

- Số lượng TTHC nội bộ đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa:... (nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm văn bản) .

c) Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Số lượng TTHC đã được thực thi phương án phân cấp:..., tại... văn bản QPPL (nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm văn bản). Trong đó, có... TTHC được phân cấp từ trung ương xuống địa phương, có... TTHC được phân cấp trong nội bộ.

d) Kết quả rà soát, xây dựng và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC/ TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh, đăng ký đất đai; chính sách đặc thù phát triển kinh tế xã hội của Thành phố thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố, UBND Thành phố

Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa (theo Kế hoạch số .../QĐ-UBND ngày tháng năm 202.... của Chủ tịch UBND Thành phố): nhóm TTHC/TTHC.

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: nhóm TTHC/ TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên: TTHC; số TTHC bãi bỏ:TTHC; số TTHC sửa đổi, bổ sung:.....TTHC; số TTHC liên thông:TTHC.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa:%.

e) Về kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

- Đã đánh giá tác động đối với... TTHC, quy định tại... dự thảo văn bản QPPL (nêu rõ tên TTHC tương ứng với từng dự thảo văn bản).

- Số lượng dự thảo văn bản QPPL lấy ý kiến....., Số TTHC có quy định tại dự thảo..... (nêu rõ tên TTHC tương ứng với từng dự thảo văn bản).

- Đã thẩm định đối với... TTHC, quy định tại... dự thảo văn bản QPPL (nêu rõ tên từng dự thảo văn bản). Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa... TTHC (nêu rõ tên TTHC và dự thảo văn bản);

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa... TTHC (nêu rõ tên TTHC và dự thảo văn bản).

1.2. Đổi mới việc thực hiện, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp:

a) Kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:....trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....);

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:....; trong đó, giải quyết trước hạn:...., đúng hạn:...., quá hạn:....

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:....; trong đó, trong hạn:, quá hạn: ...

- Thực hiện Thư xin lỗi đối với hồ sơ trễ hạn: hồ sơ trễ hạn..... hồ sơ, đã thực hiện thư xin lỗi.....hồ sơ, chưa thực hiện thư xin lỗi.....hồ sơ (tỷ lệ:....%) (nêu rõ TTHC nào trễ hạn...hồ sơ)

b) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần

Số TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến của đơn vị:TTHC (toàn trình.....TTHC; một phần.....TTHC)

Tổng số tiếp nhận..... hồ sơ (toàn trình.....hồ sơ; một phần.....hồ sơ)

c) Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

+ Số kết quả giải quyết TTHC điện tử.....; số kết quả giải quyết TTHC đã được cấp.....

+ Số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa.....; số kết quả giải quyết TTHC quá phải số hóa.....

+ Số hồ sơ đã được số hóa.....; số hồ sơ đã được giải quyết.....

+ Số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến.....; Số tiền thu được qua thanh toán trực tuyến.....đồng.

- Kết quả việc sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa:

+ Số TTHC đã sử dụng lại kết quả số hóa đã có trong quá trình giải quyếtTTHC.

d) Thực hiện công bố, công khai TTHC:

Số lượng TTHC được hành mới...; sửa đổi, bổ sung...; bãi bỏ:... (nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm văn bản QPPL ban hành TTHC và Quyết định công bố TTHC; thời điểm công khai các TTHC này trên CSDL quốc gia về TTHC).

đ) Số hóa, làm sạch dữ liệu; tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; tích hợp, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu:

+ Số kết quả giải quyết TTHC điện tử.....; số kết quả giải quyết TTHC đã được cấp.....

+ Số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa.....; số kết quả giải quyết TTHC quá phải số hóa.....

+ Số hồ sơ đã được số hóa.....; số hồ sơ đã được giải quyết.....

- Kết quả việc sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa:

+ Số TTHC đã sử dụng lại kết quả số hóa đã có trong quá trình giải quyếtTTHC.

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định hành chính, việc thực hiện TTHC:

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định và hành vi hành chính: Tổng số PAKN đã tiếp nhận:....; số PAKN đã xử lý đúng hạn:....; số PAKN đã xử lý quá hạn:....; số PAKN đang xử lý:....

- Tình hình tiếp nhận và xử lý PAKN về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ: Tổng số PAKN đã tiếp nhận:....; số PAKN đã xử lý đúng hạn:....; số PAKN đã xử lý quá hạn:....; số PAKN đang xử lý:....

f) Về thực hiện công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

.....

3. Triển khai thực hiện đề án “phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ.

3.1 Đề án “phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”

- Việc tổ chức thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu

.....

- Các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện các dịch vụ công được giao chủ trì hoặc phối hợp trong 28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

.....

- Về thực hiện tuyên truyền phổ biến

.....

3.2 Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ.

- Về nâng cao hiệu quả thực thi TTHC

.....

- Về hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành

.....

- Về thực hiện tuyên truyền phổ biến

.....

4. Kết quả khắc phục điểm nghẽn, tồn tại, hạn chế

.....

II. Những việc còn tồn tại

.....

III. Nhiệm vụ trọng tâm tháng.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT ()

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phụ lục 03

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm của Thành phố

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:

a) Cơ quan, đơn vị báo cáo cơ sở:

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố
- UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

b) Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo tổng hợp chung: Văn phòng UBND Thành phố

c) Đối với các chỉ tiêu yêu cầu tích hợp, báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh cập nhật dữ liệu và tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Văn phòng UBND Thành phố.

b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung của Thành phố: UBND Thành phố.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo dưới hình thức báo cáo trực tuyến qua Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số, cụ thể như sau:

- Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống quản trị thực thi Thành phố trên nền tảng số.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo các tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 12: Trước ngày 20 hàng tháng.

Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo vào ngày làm việc trước liền kề.

Các thông tin, số liệu báo cáo gửi sau thời hạn quy định sẽ không được tổng hợp vào Báo cáo tổng hợp chung.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố về thời hạn gửi báo cáo trước các mốc thời gian nêu trên thì thực hiện thời hạn báo cáo theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố.

5. Thời gian chốt số liệu:

- Các đơn vị chốt số liệu báo cáo ngày 15 của tháng

6. Tần suất thực hiện báo cáo:

Hàng tháng báo cáo

7. Mẫu đề cương báo cáo:

Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

8. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu 3.1, 3.2

Đơn vị....	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

3. Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ

ST	T	Đơn vị	Kết quả công bố danh mục TTHC-TTHC nội bộ				Kết quả rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC-TTHC nội bộ								Kết quả thực thi PA cắt giảm, ĐGH TTHC nội bộ								G h i c h ú
			Số lượng Q.định công bố		Số TTHC nội bộ được công bố		Trong tháng/20...				Lũy kế đến kỳ báo cáo				Trong tháng/20...				Lũy kế đến kỳ báo cáo				
			Trong kỳ b.cáo	Lũy kế đến kỳ b.cáo	Trong kỳ b.cáo	Lũy kế đến kỳ b.cáo	Số bãi bỏ	Số s.đổi, b.sung	Số giữ nguyên	Cộng	Số bãi bỏ	Số s.đổi, b.sung	Số giữ nguyên	Cộng	Số bãi bỏ	Số s.đổi, b.sung	Số giữ nguyên	Cộng	Số bãi bỏ	Số s.đổi, b.sung	Số giữ nguyên	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=(5+6+7)	9	10	11	12=(9+10+11)	13	14	15	16=(13+14+15)	17	18	19	20=(17+18+19)	C	
Tổng cộng:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Đơn vị....		0		0				0	0	0	0	0				0	0	0	0	0		

4. Kết quả ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ TTHC

STT	Đơn vị	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Ghi chú (Điền các thông tin về: Tên, số ký hiệu, ngày tháng năm văn bản QPPL ban hành TTHC và Quyết định công bố TTHC; thời điểm công khai các TTHC này trên CSDL quốc gia về TTHC).
				Cộng	Chia ra:			
					TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	
A	B	1	2	3	4	5	6	C
TỔNG CỘNG		<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
I	Thành phố	0	0	0	0	0	0	
	Đơn vị....			0				

5. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính

STT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN được tiếp nhận			Số PAKN đã xử lý			Số PAKN đang còn tiếp tục xử lý	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
			Số tồn tháng trước chuyển sang	Số tiếp nhận trong tháng		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1 = (2+3)	2	3	4 = (5+6)	5	6	7 = (1-4)	6
TỔNG CỘNG:		<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
Thành phố		0	0	0	0	0	0	0	
	Đơn vị....	0			0			0	

6. Kết quả thực hiện xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kết quả giải quyết TTHC					Kết quả thực hiện Thư xin lỗi đối với hồ sơ trễ hạn					Nguyên nhân trễ hạn	Hình thức thực hiện TXL (văn bản, tin nhắn, thư điện tử...)
			Tổng số hồ sơ được giải quyết	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết	Có thực hiện TXL		Chưa thực hiện TXL			
				Đúng hạn		Trễ hạn			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %							
1	1	2	3= 4+7	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2														
””														
TỔNG CỘNG:														

Phụ lục 04**BÁO CÁO****Triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh****1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:**

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo cơ sở: (được phân công thực hiện báo cáo)

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố;

- UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

b) Đối tượng thực hiện báo cáo tổng hợp chung: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đối với các chỉ tiêu yêu cầu tích hợp, báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh cập nhật dữ liệu và tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Thành phố, Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 850 (Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 15/7/2023 của Thủ tướng Chính), Ban Chỉ đạo 1519

b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung của Thành phố: UBND Thành phố.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội dưới hình thức báo cáo trực tuyến qua Hệ thống Quản trị thực thi Thành phố, cụ thể như sau:

- Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống Quản trị thực thi Thành phố (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống Quản trị thực thi Thành phố.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo các tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 12: Trước ngày 20 hàng tháng.

- Báo cáo quý I: Trước ngày 20 tháng 3 hàng năm.

- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

- Báo cáo 9 tháng: Trước ngày 20 tháng 9 hàng năm.

- Báo cáo dự ước năm: Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo vào ngày làm việc trước liền kề.

Các thông tin, số liệu báo cáo gửi sau thời hạn quy định sẽ không được tổng hợp vào Báo cáo tổng hợp chung.

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố về thời hạn gửi báo cáo trước các mốc thời gian nêu trên thì thực hiện thời hạn báo cáo theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố.

4. Thời gian chốt số liệu:

- Các đơn vị chốt số liệu báo cáo trước ngày 15 của tháng, tháng cuối của tháng 3, tháng 6, tháng 9 và năm của năm báo cáo

5. Tần suất thực hiện báo cáo:

Hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm của năm báo cáo

6. Mẫu đề cương báo cáo:

Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu 04.1

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Số: /BC-.....

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 98/2023/QH15

.....

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 98/2023/QH15

- 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 896/QĐ-TTg**
- 2. Kết quả triển khai thực hiện các Thông báo của Văn phòng Chính phủ**
- 3. Kết quả xây dựng nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 98/2023/QH15 tại Thành phố**

- Công tác tuyên truyền: (Sở Thông tin - Truyền thông)

III. KẾT QUẢ ÁP DỤNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

Nghị quyết số 98/2023/QH15 quy định 44 cơ chế đặc thù.

1. Về lĩnh vực quản lý đầu tư (Điều 4; 04 cơ chế)

(1) Về hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm (khoản 1): (Sở Lao động -

Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan)

(2) Về thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) (*khoản 2*): **(Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan)**

(3) Về cơ chế tổ chức đấu thầu thực hiện các dự án có sử dụng đất trong đó trong ranh dự án có phần đất công (*khoản 3,4*): **(Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan)**

(4) Về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (*khoản 5*): **(Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan)**

2. Nhóm cơ chế về tài chính, ngân sách nhà nước (Điều 5; 12 cơ chế) (Sở Tài chính)

(1) Cơ chế về chính sách phí, lệ phí (*khoản 1*);

(2) Về giao quyền cho HĐND Thành phố phân bổ ngân sách (*khoản 2*)

(3) Về cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (*Khoản 3*):

(4) Cơ chế điều chỉnh nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ (*khoản 4*);

(5) Cơ chế sử dụng ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách (*khoản 5*) (*sẽ thực hiện khi có thông báo của Bộ Tài chính*)

(6) Về dự toán chi ngân sách của UBND quận được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% (*khoản 6*):

(7) Về việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng và hỗ trợ địa phương khác, nước khác (*Khoản 7*): **(Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan)**

(8) Về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội (*Khoản 8*): **(Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan)**

(9) Cơ chế bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm đại diện chủ sở hữu để bổ sung vốn điều lệ

của HFIC (điểm a khoản 8); (Sở Tài chính, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước và các đơn vị liên quan)

(10) Cơ chế về Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (khoản 9): (Ban Quản lý các Khu chế xuất, công nghiệp)

(11) Cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 10)

(12) Cơ chế điện áp mái các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở của các cơ quan, đơn vị (khoản 11): (Sở Công thương)

3. Nhóm cơ chế về quản lý đô thị, tài nguyên, môi trường (Điều 6; 12/13 cơ chế)²

(1) Về giao quyền cho HĐND Thành phố chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha (khoản 1): (Sở Tài nguyên và Môi trường)

(2) Cơ chế về phân cấp cho Thành phố điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung (khoản 2): (Sở Quy hoạch - Kiến trúc)

(3) Về thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (khoản 3): (Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan)

(4) Về bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi (khoản 5): (Sở Tài nguyên và Môi trường)

(5) Cơ chế thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất của các tổ chức kinh tế (khoản 6): (Sở Tài nguyên và Môi trường)

(6) Thanh toán (bằng đất) cho nhà đầu tư xác định tại hợp đồng BT (khoản 7): **Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan**

(7) Diện tích đất hình thành sau khi thực hiện lấn biển (khoản 8): (Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan)

(8) Về gia hạn sử dụng đất đối với tài sản mua phát mại bị hết thời hạn sử dụng đất (khoản 9): (Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan)

(9) Cơ chế cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với các công trình công cộng (Khoản 10): (Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan)

² 01 cơ chế xin dừng thực hiện (do đã có Luật Đất đai 2024 ban hành, các Nghị định Chính phủ hướng dẫn) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố (khoản 4).

(10) Về chuyên đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng (*khoản 11*): **(Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan)**

(11) Về áp dụng quy trình thu hồi đất mới (*bao gồm thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất*) (*khoản 12*): **(Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan)**

(12) Cơ chế kiểm soát khí thải phương tiện giao thông (*khoản 13*): **(Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan)**

4. Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố (Điều 7; 01 cơ chế)

(1) Về việc xây dựng mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược và các nội dung liên quan: **(Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan)**

(2) Về hoạt động xúc tiến đầu tư: **(Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư Thành phố và các đơn vị liên quan)**

5. Nhóm cơ chế về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (Điều 8; 02 cơ chế) **(Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan)**

(1) Về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố (*khoản 1*):

(2) Về chính sách ưu đãi đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (*khoản 2*):

(3) Lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn (*điểm a, b, c khoản 1*);

(4) Tiêu chí, lĩnh vực thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo (*điểm d khoản 1*).

6. Nhóm cơ chế về tổ chức bộ máy chính quyền của Thành phố (Điều 9; 10 cơ chế) **(Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan)**

(1), (2) 02 cơ chế về (i) thành lập thêm cơ quan chuyên môn và (ii) sắp xếp đơn vị công lập

(3) Về bổ sung lãnh đạo đơn vị (*khoản 2*):

(4), (5) 02 cơ chế về phân cấp, ủy quyền (*khoản 4, khoản 7*): Sở Nội vụ, Ban

Quản lý Khu chế xuất, công nghiệp

(6), (7) 02 cơ chế về tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức (*Khoản 3, điểm a khoản 5*):

(8) Về chi thu nhập tăng thêm (*điểm b khoản 5*):

(9) Về thu hút chuyên gia, nhà khoa học (*điểm c khoản 5*):

(10) Cơ chế về chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho cơ quan chuyên môn của quận, huyện, thành phố Thủ Đức (*điểm b khoản 6 Điều 9*)

7. Nhóm cơ chế về tổ chức bộ máy chính quyền thành phố Thủ Đức (Điều 10; 02 nhóm cơ chế) (Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các đơn vị liên quan)

(1) Nhóm cơ chế về phân cấp, ủy quyền (*khoản 1, 2*):

(2) Nhóm cơ chế về tổ chức, bộ máy (*khoản 3,4*):

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

2. Mặt tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ chung

2. Nhiệm vụ cụ thể

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT ()

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu Mẫu 04.1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 98/2023/QH15 CỦA QUỐC HỘI**

STT	Lĩnh vực	Cơ chế chính sách	Đơn vị chủ trì	Số liệu thống kê (như số dự án, số vốn, số lượng...)
1	Công tác tuyên truyền		Sở Thông tin - Truyền thông	
	Về lĩnh vực quản lý đầu tư	Bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan	- Đã giải ngân 2.796 tỷ đồng (năm 2023) và 998 tỷ đồng (năm 2024)
	Về tài chính, ngân sách nhà nước	Về cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, chi thu nhập tăng thêm	Sở Tài chính Sở Nội vụ	- Bố trí 11.287 tỷ đồng
		Về dự toán chi ngân sách của UBND quận được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4%	Sở Tài chính	- Bố trí dự toán năm 2024 với mức tối đa 4% là 688,6 tỷ đồng
		Về việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng và hỗ trợ địa phương khác, nước khác	Sở Tài chính Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Hỗ trợ cho tỉnh Điện Biên 75 tỷ đồng - Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 760/QĐ-TTg ngày 02/8/2024 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài với tổng mức đầu tư (bao gồm lãi vay) 19.617 tỷ đồng

STT	Lĩnh vực	Cơ chế chính sách	Đơn vị chủ trì	Số liệu thống kê (như số dự án, số vốn, số lượng...)
		Về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước	- Bố trí số vốn đầu tư công 1.500 tỷ đồng
		Về giao quyền cho HĐND Thành phố chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Áp dụng cho 01 dự án với diện tích là 0,04ha
	Về quản lý đô thị, tài nguyên, môi trường	Về thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Sở Xây dựng	- Chấp thuận chủ trương đầu tư cho 01 dự án cung cấp cho thị trường khoảng 2.000 căn hộ nhà ở xã hội
		Về chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Có 05 đơn vị đăng ký thực hiện chuyển đổi công nghệ đốt rác phát điện cho 05 nhà máy
	Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố	Về hoạt động xúc tiến đầu tư	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư Thành phố và các đơn vị liên quan	- Đã đón tiếp và làm việc với hơn 320 đoàn trong và ngoài nước tìm hiểu về môi trường đầu tư kinh doanh; đã tổ chức 296 hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư trong và ngoài nước
	Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	Về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan	- Đã nhận được 48 hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hội đồng tư vấn đã tuyển chọn được 21/48 hồ sơ và bước đầu hỗ trợ cho 15/21 hồ sơ
		Về chính sách ưu đãi đối với các tổ chức khoa học và		- Có 10 hồ sơ đăng ký thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để

STT	Lĩnh vực	Cơ chế chính sách	Đơn vị chủ trì	Số liệu thống kê (như số dự án, số vốn, số lượng...)
		công nghệ công lập		hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

Phụ lục 05**BÁO CÁO****Cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao****Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)****của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn****1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:**

Các sở - ban - ngành trực thuộc thành phố,
UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

- a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung của Thành phố: UBND Thành phố

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Báo cáo được gửi đến : Sở Kế hoạch và Đầu tư bằng một trong các phương thức sau:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo dưới hình thức báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố, cụ thể như sau:

Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố.

Báo cáo bằng văn bản điện tử gửi trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản của Thành phố (chỉ áp dụng trong những năm đầu; sau khi Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố vận hành ổn định thì bãi bỏ hình thức này).

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Các đơn vị gửi báo cáo về : Sở Kế hoạch và Đầu tư phổ trước ngày 15 tháng 11 (đối với Báo cáo năm);

5. Tần suất thực hiện báo cáo: hàng năm**6. Thời gian chốt số liệu báo cáo:**

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 10 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 11 của kỳ báo cáo

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

8. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Không có

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Số: /BC-.....

**Báo cáo cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn**

Kính gửi:.....

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.
2. Kết quả triển khai thực hiện nâng cao Chỉ số PCI của các sở, ban, ngành và địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện nâng cao Chỉ số PCI của các sở, ban, ngành và địa phương.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác thực hiện nâng cao Chỉ số PCI của các sở, ban, ngành và địa phương.
2. Đề xuất giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần và chỉ tiêu phụ trách của các sở, ban, ngành và địa phương.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với cấp có thẩm quyền để nâng cao Chỉ số PCI

của Thành phố trong giai đoạn tới đạt kết quả cao hơn.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:

-

Phụ lục 06**BÁO CÁO****Hoạt động đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền trên địa bàn****1. Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo:**

Các sở - ban - ngành trực thuộc thành phố,
UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo cơ sở: Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại Và Đầu Tư Thành phố (ITPC)

b) Cơ quan nhận báo cáo tổng hợp chung của Thành phố: UBND Thành phố

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Báo cáo được gửi đến Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại Và Đầu Tư Thành phố (ITPC) bằng một trong các phương thức sau:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo dưới hình thức báo cáo bằng văn bản điện tử, văn bản giấy và trực tuyến trên Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố, cụ thể như sau:

Nhập dữ liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố (Trừ văn bản, báo cáo thuộc hệ mật); hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin báo cáo của Bộ chuyên ngành với Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố.

Báo cáo bằng văn bản điện tử gửi trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản của Thành phố (chỉ áp dụng trong những năm đầu; sau khi Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố vận hành ổn định thì bãi bỏ hình thức này).

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Các đơn vị gửi báo cáo về Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại Và Đầu Tư Thành phố (ITPC) trước ngày ngày 15 tháng 5 (đối với Báo cáo 6 tháng) và ngày 15 tháng 11 (đối với Báo cáo năm);

5. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng và hàng năm**6. Thời gian chốt số liệu báo cáo:**

- Báo cáo 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 10

tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 6 của kỳ báo cáo.

- Báo cáo năm: Tính từ ngày 10 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 10 của kỳ báo cáo

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 06

8. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu 06.1

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Số: /BC-.....

BÁO CÁO

**Hoạt động đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền 06 tháng đầu năm/Năm...
trên địa bàn.....**

Kính gửi:.....

I. HOẠT ĐỘNG GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC CỦA DOANH NGHIỆP QUA TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:

1. Trang thông tin Đối thoại <https://doithoaidn.hochiminhcity.gov.vn>:

- Số lượng câu hỏi, vấn đề:
- Tăng/ giảm so với kỳ trước:

2. Trang thông tin điện tử của địa phương

- Số lượng câu hỏi, vấn đề:
- Tăng/ giảm so với kỳ trước:

3. Hoạt động đối thoại trực tiếp

3.1. Hoạt động đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền

- Số lượng Hội nghị đối thoại trực tiếp tại địa phương tổ chức (chủ đề, nội dung, số doanh nghiệp/người tham dự, số **vướng mắc**, khó khăn của doanh nghiệp trao đổi tại Hội nghị, số nội dung giải đáp liên quan đến **vướng mắc**, khó khăn tại Hội nghị)....

3.2. Giải đáp **vướng mắc, khó khăn** của doanh nghiệp do các cơ quan, đơn vị gửi đến

- Số lượng câu hỏi, vấn đề:...

- Tăng/ giảm so với kỳ trước:...

3.3 Các hoạt động khác giúp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

II. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIẢI ĐÁP CỦA CHÍNH QUYỀN

1. Trang thông tin Đối thoại <https://doithoaidn.hochiminhcity.gov.vn>:

2. Trang thông tin điện tử của địa phương

3. Hoạt động đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Hoạt động giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp qua trang thông tin điện tử

2. Hoạt động đối thoại trực tiếp

VI. PHƯƠNG HƯỚNG:

V. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM/NĂM.....:

Nơi nhận:

-

- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

**BẢNG TỔNG HỢP
CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ
CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

A. PHỤ LỤC 1

CÁC VẤN ĐỀ VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TRONG NĂM 20...: ... VẤN ĐỀ

STT	Tên doanh nghiệp	Nội dung vấn đề	Kiến nghị
I. KIẾN NGHỊ (0...)			
1.			❖
II. VẤN ĐỀ ĐÃ GIẢI QUYẾT (0...)			
2.			❖

STT	Tên doanh nghiệp	Nội dung vấn đề	Kiểm nghị
III. CÁC VẤN ĐỀ TIẾP TỤC ĐỀ XUẤT GIẢI QUYẾT (...)			
3.			❖

B. PHU LUC 2

CÁC VẤN ĐỀ VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TRONG NĂM 20.... - VẤN ĐỀ

STT	Đơn vị	Nội dung vấn đề	Kiến nghị
I. KIẾN NGHỊ (0....)			
1.			
II. CÁC VẤN ĐỀ CHƯA GIẢI QUYẾT (0...)			
2.			❖
III. CÁC KIẾN NGHỊ (0...)			
3.			❖

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng